

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169/2025/DS-ST

Ngày 09/6/2025

Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Trúc Phương;
- Ông Trần Nghiệp Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 283/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-DS ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1962, địa chỉ A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

2. **Bị đơn:**

a) Bà Hứa Soái L, sinh năm 1962, địa chỉ: 1 đường B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

b) Bà Trần Ngọc Y, sinh năm 1984, địa chỉ: 1 đường B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

a) Ông Trần Tòng H, sinh năm 1951, địa chỉ: 195/42 - D đường B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

b) Bà Thái Thị Mỹ H1, sinh năm 1965, địa chỉ: A L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/9/2023, ông Đỗ Thanh T có cho bà Hứa Soái L và Trần Ngọc Y (con bà L) vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, có làm hợp đồng vay kí tay không công chứng. Đến kỳ trả nợ là ngày 29/3/2024 bà L, bà Y xin gia hạn thêm 06 tháng với điều kiện phải hoàn vốn và lãi đúng hạn, ông T đồng ý. Tuy nhiên, bà L và bà Y vẫn không trả cho ông T đúng hạn, ông T đến tìm thì đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Nay ông T yêu cầu bà L và bà Y phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền gốc là 700.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu tính lãi.

Trong Bản tự khai ngày 18/11/2024, bà Thái Thị Mỹ H1 trình bày:

Bà là vợ của ông Đỗ Thanh T. Khoản tiền 700.000.000 đồng ông T cho bà L và bà Y vay là tiền riêng của ông T, bà H1 không liên quan nên không có ý kiến gì.

Đối với các bị đơn và người liên quan là ông Trần Tòng H: Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A thì bà Hứa Soái L, chồng là Trần Tòng H, con là Trần Ngọc Y (chưa kết hôn) có hộ khẩu thường trú tại 1 đường B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L, bà Y và ông H vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 11, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền lãi.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Đỗ Thanh T khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Hứa Soái L và Trần Ngọc Y. Bà L và bà Y có địa chỉ tại Quận A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ cho bà Hứa Soái L, bà Trần Ngọc Y và ông Trần Tòng H: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngay; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L, bà Y và ông H vắng mặt.

Ngày 18/11/2024, bà Thái Thị Mỹ H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 14/4/2025, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do vậy, việc xét xử vắng mặt các bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà L, bà Y và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà L, bà Y và ông H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

a) Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả lại số tiền gốc đã vay là 700.000.000 đồng: Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 29/9/2023 có cơ sở xác định ông Đỗ Thanh T có cho bà Hứa Soái L và Trần Ngọc Y vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng và gia hạn thêm 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, đến nay đã quá hạn trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn đã hình thành giao dịch dân sự cho vay tài sản, phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “1. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”, đã hết thời hạn vay nhưng bị đơn không trả, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 700.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong Bản tự khai ngày 18/11/2024, bà Thái Thị Mỹ H1 xác định số tiền ông T cho các bị đơn vay tiền riêng của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền ông T cho các bị đơn vay là tài sản riêng của ông T, không liên quan đến bà H1.

Ông T chỉ yêu cầu bà L và bà Y cùng trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của ông Trần Tòng H, chồng bà L trong giao dịch vay tiền giữa ông T và các bị đơn.

b) Xét yêu cầu về tiền lãi chậm trả:

Ông T rút yêu cầu các bị đơn phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

Xét về quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

4. Về án phí:

Căn cứ theo của Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì bị đơn phải chịu án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 220, 227, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T.

Buộc bà Hứa Soái L và bà Trần Ngọc Y có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Thanh T số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà L, bà Y chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà L, bà Y phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Đỗ Thanh T về việc yêu cầu bà Hứa Soái L và bà Trần Ngọc Y trả tiền lãi chậm trả do ông T rút yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hứa Soái L và bà Trần Ngọc Y phải nộp 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Loan

-